

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thống kê đất đai trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2021

Thực hiện Văn bản số 1696/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Điện Biên về việc thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2021 cấp huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo báo cáo thống kê đất đai trên địa bàn huyện năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU

1. Công tác chỉ đạo

Thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Quản lý đất đai xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ địa chính các xã, thị trấn thực hiện công tác thống kê đất đai tính đến thời điểm 31/12/2021 theo đúng quy định.

2. Thời gian thực hiện thống kê đất đai cấp huyện

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. Phương pháp thu thập số liệu

- Tài liệu kiểm kê đất đai trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2019; Tài liệu thống kê đất đai năm 2020 huyện Tuần Giáo.

- Tài liệu các dự án đã thực hiện có trên địa bàn huyện.

- Các tài liệu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt.

- Trích đo địa chính khu đất.

- Biểu thống kê, kiểm kê đất đai của huyện được thu thập, tổng hợp trực tiếp từ biểu kiểm kê đất đai 2019, thống kê đất đai năm 2020; số liệu này được đối soát trên bản đồ nền, bản đồ ảnh vệ tinh và được rà soát với thực địa.

- Số liệu thống kê đất đai được tính toán trên kết quả so sánh, tổng hợp trên các tài liệu thu thập được tại địa bàn; kết quả tổng hợp kiểm kê, thống kê đất đai phù hợp với hiện trạng quản lý và sử dụng đất tại địa phương.

II. THUYẾT MINH KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI

1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2021

Năm 2021, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 113.542,27 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 110.001,52 ha, chiếm 96,88% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

- Đất phi nông nghiệp: 2.147,22 ha, chiếm 1,89% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

- Đất chưa sử dụng: 1.393,53 ha, chiếm 1,23% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

(Chi tiết tại Biểu 01-TKĐĐ kèm theo)

1.1. Hiện trạng sử dụng nhóm đất nông nghiệp

Năm 2021, diện tích đất nông nghiệp của huyện có 110.001,52 ha, chiếm 96,88% tổng diện tích tự nhiên của huyện, được phân bổ như sau:

1.1.1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp: 66.208,08 ha, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 62.152,60 ha.

+ Đất trồng lúa: 8.582,75 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 53.569,85 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 4.055,48 ha.

1.1.2. Diện tích đất lâm nghiệp: 43.293,19 ha, trong đó:

- Đất rừng sản xuất: 9.348,06 ha;

- Đất rừng phòng hộ: 33.945,14 ha.

1.1.3. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 404,25 ha.

1.1.4. Diện tích đất nông nghiệp khác: 95,99 ha.

(Chi tiết tại Biểu 02-TKĐĐ kèm theo)

1.2. Hiện trạng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp

Năm 2021, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện 2.147,22 ha, chiếm 1,89% tổng diện tích tự nhiên của huyện, được phân bổ như sau:

1.2.1. Đất ở: 747,55 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 697,07 ha;

- Đất ở tại đô thị: 50,48 ha.

1.2.2. Đất chuyên dùng: 972,02 ha, trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 14,13 ha;

- Đất quốc phòng: 13,66 ha;

- Đất an ninh: 3,70 ha;

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 74,63 ha;

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 194,94 ha;

- Đất có mục đích công cộng: 670,97 ha.

1.2.3. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ NHT: 121,58 ha.

1.2.4. Đất sông sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 305,85 ha.

1.2.5. Đất phi nông nghiệp khác: 0,21 ha.

(Chi tiết tại Biểu 03/ TKĐĐ kèm theo)

1.3. Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng

Năm 2021, đất chưa sử dụng huyện còn 1.393,53 ha, chiếm 1,23% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó:

- Diện tích đất bằng chưa sử dụng: 10,44 ha;

- Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng: 1.326,25 ha;

- Núi đá không có rừng cây: 56,84 ha.

(Chi tiết tại Biểu 01/TKĐĐ kèm theo)

2. Tình hình biến động đất đai

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện tính đến 31/12/2021 là 113.542,27 ha, không biến động so với năm 2020.

2.1. Biến động về mục đích sử dụng đất từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

2.1.1. Biến động nhóm đất nông nghiệp:

Năm 2021, diện tích nhóm đất nông nghiệp biến động giảm 18,81 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2020.

+ Đất sản xuất nông nghiệp biến động giảm 18,09 ha;

+ Đất lâm nghiệp biến động giảm 0,66 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản biến động giảm 0,07 ha.

2.1.2. Biến động nhóm đất phi nông nghiệp

Năm 2021, diện tích nhóm đất phi nông nghiệp biến động tăng 18.81 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2020.

2.1.3. Biến động về đất chưa sử dụng

Năm 2021, diện tích đất chưa sử dụng là 1.393,53 không biến động so với kết quả thống kê đất đai năm 2020.

2.2. Đánh giá tình hình biến động đất đai năm 2021

Qua kết quả thống kê đất đai từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 cho thấy tình hình đất đai trên địa bàn huyện có những biến động cụ thể sau:

2.2.1. Đất nông nghiệp:

2.2.1.1 Đất trồng lúa

Năm 2021, diện tích đất trồng lúa là 8.582,75 ha, giảm 1,60 ha so với năm 2020. Diện tích giảm để chuyển sang các loại đất:

+ Đất có mục đích công cộng: 1,14 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 0,1 ha.

+ Đất ở tại đô thị: 0,36 ha.

2.2.1.2 Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2021, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 53.569,85 ha, giảm 16,31 ha so với năm 2020. Diện tích giảm để chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại đô thị: 0,09 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 0,04 ha.

+ Đất có mục đích công cộng: 15,13 ha;

+ Đất công trình sự nghiệp: 1,05 ha.

2.2.1.3 Đất trồng cây lâu năm

Năm 2021, diện tích đất trồng cây lâu năm là 4.055,48 ha, giảm 0,17 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại đô thị: 0,03;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,14.

2.2.1.4. Đất lâm nghiệp

- Đất rừng sản xuất

Năm 2021, diện tích đất rừng sản xuất là 9.348,06 ha, giảm 0,65 ha so với năm 2020. Diện tích giảm để chuyển sang các loại đất:

+ Đất có mục đích công cộng: 0,42 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 0,23 ha.

2.2.1.5. Đất nuôi trồng thủy sản

Năm 2021, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 404,25 ha, giảm 0,07 ha so với năm 2020.

+ Đất có mục đích công cộng: 0,05 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 0,02 ha.

2.2.1.6. Đất nông nghiệp khác

Năm 2021, diện tích đất nông nghiệp khác là 95,99 ha, không biến động so với năm 2020.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp

2.2.2.1 Đất ở tại nông thôn

Năm 2021, diện tích đất ở tại nông thôn là 697,07 ha, tăng 0,15 ha so với năm 2020, diện tích tăng được lấy từ 0,1 ha đất trồng lúa, 0,04 ha đất trồng cây hàng năm khác.

2.2.2.2 Đất ở đô thị

Năm 2021, diện tích đất ở tại đô thị là 50,48 ha, tăng 0,9 ha so với năm

2020, diện tích tăng được lấy từ 0,36 ha đất trồng lúa, 0,09 đất trồng cây hàng năm khác, 0,03 đất trồng cây lâu năm, 0,23 đất rừng sản xuất, 0,02 đất nuôi trồng thủy sản, 0,15 đất trụ sở cơ quan, 0,03 đất có mục đích công cộng.

Diện tích tăng do chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân, đấu quyền sử dụng đất thừa đất Kho lương thực (cũ), khối Trường Xuân, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên và để thực hiện dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai công trình khu tái định cư thị trấn tuần giáo; Hạ tầng khu đất xen kẹt khối tân giang.

2.2.2.3 Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Năm 2021, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 14,13 ha, giảm 0,05 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Diện tích giảm để thực hiện công trình: Nâng cấp đường nội thị khối Tân Giang; Đấu quyền sử dụng đất thừa đất Kho lương thực (cũ), khối Trường Xuân, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

2.2.2.4 Đất quốc phòng

Năm 2021, diện tích đất quốc phòng là 13,66 ha, không biến động so với năm 2020.

2.2.2.5 Đất an ninh

Năm 2021, diện tích đất an ninh là 3,7 ha, không biến động so với năm 2020.

2.2.2.6 Đất xây dựng công trình sự nghiệp

Năm 2021, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp là 74,63 ha tăng 1,05 ha so với năm 2020, diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để xây dựng công trình: Trạm Y tế xã Pú Xi, Trạm Y tế xã Phình Sáng, công trình đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Pú Xi (Giải phòng mặt bằng trường tiểu học Pú Xi).

2.2.2.7 Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Năm 2021, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 194,94 ha, không biến động so với năm 2020.

2.2.2.8 Đất có mục đích công cộng

Năm 2021, diện tích đất có mục đích công cộng là 670,97 ha, tăng 16,82 ha so với năm 2020. Diện tích tăng được lấy từ:

- + Đất trồng lúa: 1,14 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 15,13 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 0,42 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,05 ha;
- + Đất ở tại đô thị: 0,01 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,04 ha;

+ Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối: 0,05

Diện tích tăng để thực hiện công trình: Nâng cấp đường từ bản Co Đứa - Trung tâm xã Mường Khong, Nâng cấp đường Bản Hiệu - Bản Phang, Nâng cấp đường nội thị khối Tân Giang, Nâng cấp đường vào bản Co Phát, Nâng cấp đường nội thị 20/7 - Bản Đông.

2.2.2.9 Đất nghĩa trang, nghĩa địa

Năm 2021, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa là 121,58 ha, không biến động so với năm 2020.

2.2.2.10 Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Năm 2021, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 305,85 ha, giảm 0,05 ha so với năm 2020. Diện tích giảm để thực hiện các công trình dự án Nâng cấp đường từ bản Co Đứa - Trung tâm xã Mường Khong, Nâng cấp đường nội thị 20/7 - Bản Đông.

2.2.2.11 Đất phi nông nghiệp khác

Năm 2021, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 0,21 ha, không biến động so với năm 2020.

2.2.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2021, diện tích đất chưa sử dụng là 1.393,53 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết tại Biểu 12/TKĐĐ, 14/TKĐĐ kèm theo)

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Công tác thống kê đất đai hàng năm là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời về diện tích các loại đất, đối tượng sử dụng đất tại thời điểm thống kê. Thông qua công tác thống kê đất đai mỗi cấp đều đánh giá được kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đồng thời trên cơ sở đó tiến hành hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội và có biện pháp xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các năm tiếp theo.

Việc thống kê đất đai năm 2021 của huyện Tuần Giáo đã thực hiện đạt kết quả theo đúng mục đích, nội dung, phương pháp theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Sản phẩm thống kê đất đai năm 2021 được thực hiện từ cấp xã là những số liệu được điều tra kết hợp với số liệu qua các kỳ kiểm kê, thống kê đất đai hàng năm, giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất nên có độ chính xác và tin cậy; diện tích các loại đất của cấp huyện được tổng hợp từ diện tích cấp xã nên đã phản ánh trung thực hiện trạng sử dụng đất của từng đơn vị hành chính trong huyện.

3.2. Kiến nghị

Để công tác thống kê đất đai đạt hiệu quả hơn nữa, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục mở các khoá tập huấn chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao công tác thống kê đất đai nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2021 của UBND huyện Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- Sở TNMT;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Đức